

DANH SÁCH SINH VIÊN K 14, 15, 16, 17 HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKH, ngày tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
1	DTZ1857220201024	8500220160335	Nông Thị Nhung	24/05/2000	Tày	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
2	DTZ1655104010005	8500220059297	Đặng Mùi Dắt	29/09/1998	Dao	CoN Kỹ thuật Hóa - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
3	DTZ1655104010003	8500220059324	Hà Thị Minh Hương	10/06/1998	Kinh	CoN Kỹ thuật Hóa - K14	Mồ côi cha mẹ	100,000	6	600,000
4	DTZ1657601010057	8500220063974	Nông Thị Kim Cúc	20/12/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
5	DTZ1657601010097	8500220063633	Dương Thị Diễm	20/06/1997	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
6	DTZ1653801010489	8500220078516	Ly Ky Đư	21/07/1998	La hủ	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
7	DTZ1657601010038	8500220062335	Chang A Dững	15/03/1998	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
8	DTZ1657601010019	8500220062539	Táo Thần Dương	15/09/1998	Pa dí	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
9	DTZ1657601010083	8500220063741	Vàng Văn Hoàng	23/05/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
10	DTZ1657601010032	8500220078624	Chấn Thị Hường	15/05/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
11	DTZ1657601010049	8500220062227	Hoàng Thị Hường	07/01/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
12	DTZ1657601010092	8500220063691	Lý Thanh Kiểm	03/09/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
13	DTZ1657601010043	8500220062285	Hồ A Lồng	06/07/1998	H Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
14	DTZ1657601010134	8500220110820	Lý Thị Lưu Luyến	26/02/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
15	DTZ1657601010051	8500220064035	Chu Phò Na	18/02/1998	Hà nhì	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
16	DTZ1657601010093	8500220078551	Hoàng Thị Nhất	18/11/1997	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
17	DTZ1657601010138	8500205212740	Pờ Ha Po	06/08/1998	Hà nhì	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
18	DTZ1657601010015	8500220062749	Nông Thị Thu Thảo	16/08/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
19	DTZ1657601010115	8500220110770	Tráng A Thống	06/07/1996	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
20	DTZ1657601010023	8500220062279	Lù Thị Thân Thương	28/04/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
21	DTZ1657601010059	8500220063951	Nguyễn Thị Tình	23/07/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
22	DTZ1657601010041	8500220062306	Hoàng Thị Trang	06/11/1998	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
23	DTZ1657601010045	8500220062256	Lô Văn Trùng	25/11/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
24	DTZ1657601010113	8500220078183	Hạng A Tùng	11/06/1997	H Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
25	DTZ1657601010054	8903205064758	Lò Thị Xuân	20/11/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
26	DTZ1657601010142	8500220078393	Lục Thị Xuân	16/07/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
27	DTZ1752760101059	8500220121021	Lý Thị Chia	10/02/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
28	DTZ1752760101002	8500220121044	Triệu Thị Chuông	20/08/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
29	DTZ1752760101019	8500220121146	Tần Thị Điều	15/07/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
30	DTZ1752760101055	8500220121169	Lò Mi	Do	12/09/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
31	DTZ1752760101074	8500220121202	Thào Thị	Gánh	08/09/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
32	DTZ1752760101027	8500220121304	Lục Thị	Khiêm	11/06/1998	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
33	DTZ1752760101053	8500220121362	Vừ A	Lệnh	22/05/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
34	DTZ1752760101035	8500220121356	Lã Bích	Liều	14/09/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
35	DTZ1752760101036	8500220121379	Triệu Thị	Loan	01/02/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
36	DTZ1752760101039	8500220121385	Quảng Thị	Mai	21/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
37	DTZ1752760101018	8500220121391	Khoảng Thị	Nghiêm	07/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
38	DTZ1752760101006	8500220121429	Bạc Cẩm	Phúc	24/10/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
39	DTZ1752760101008	8500220121595	Dương Bích	Vân	11/06/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
40	DTZ1752760101030	8500220121616	Tòng Thị	Việt	25/07/1999	Thái	Công tác XH - K15	Mồ côi cha mẹ	100,000	6	600,000
41	DTZ1857760101001	8500220157360	Lương Tuấn	Anh	04/11/1998	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
42	DTZ1857760101003	8500220157376	Giàng A	Chanh	08/10/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
43	DTZ1857760101006	8500220157399	Mùa Thị	Dê	02/09/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
44	DTZ1857760101012	8500220157455	Đàm Chu	Hậu	11/05/1996	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
45	DTZ1857760101049	8500220162750	Vàng A	Hào	20/05/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
46	DTZ1857760101014	8500220157478	Hoàng Thị	Hoài	19/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
47	DTZ1857760101021	8500220157534	Pờ Khừ	Mur	12/03/2000	Hà nhì	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
48	DTZ1857760101026	8500220157570	Vàng A	Nụ	20/01/1999	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
49	DTZ1857760101031	8500220157620	Chang Là	Pứ	20/10/2000	Hà nhì	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
50	DTZ1857760101032		Lãnh Văn	Quý	29/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
51	DTZ1857760101036	8500220157671	Lường Thị	Thảo	10/10/2000	Lào	Công tác XH - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
52	DTZ1957760101007		Ly Thị	Dà	20/05/2001	Mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
53	DTZ1957760101016		Sùng Thị	Dề	05/08/2001	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
54	DTZ1957760101021		Hoàng Quỳnh	Diệp	25/05/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
55	DTZ1957760101019		Ma Thị	Hạnh	07/08/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
56	DTZ1957760101013		Quảng Văn	Long	16/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
57	DTZ1957760101001		Châu Thị	Rô	26/07/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
58	DTZ1957760101006		Lường Văn	Thành	22/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
59	DTZ1957760101003		Tô Thị Huyền	Trang	21/09/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
60	DTZ1957760101017		Má Thị Thanh	Xuân	04/12/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
61	DTZ1653404010016	8500220060063	Hoàng Thị	Hiền	08/04/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
62	DTZ1653404010029	8500220060527	Lộc Thị	Hương	24/02/1996	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
63	DTZ1653404010012	8500220059796	Nông Thị	Kiều	18/09/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
64	DTZ1653404010020	8500220060375	Lò Thị	Lá	26/06/1998	Thái	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
65	DTZ1653404010023	8500220060402	Nông Thị	Linh	08/07/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
66	DTZ1653404010040	8500220077008	Hoàng Thị	Thiêm	28/10/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
67	DTZ1752340401009	8500220124456	Hoàng Văn	Bình	26/02/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
68	DTZ1752340401003	8500220124512	Ngọc Văn	Đoàn	03/03/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
69	DTZ1752340401006	8500220124535	Giàng Thị	Ghênh	18/03/1999	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
70	DTZ1752340401021	8500220124570	Lầu Bá	Hòa	30/06/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
71	DTZ1752340401007	8500220124608	Sùng Thị	Pàng	24/09/1998	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
72	DTZ1857340401004	8500220158362	Sôi Thu	Hà	10/04/2000	Thái	KH Quản lý - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
73	DTZ1857340401008	8500220158406	Giàng A	Minh	07/10/2000	Mông	KH Quản lý - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
74	DTZ1653801010079	8500220057183	Lờ A	Của	13/07/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
75	DTZ1653801010033	8500220057489	Thào A	Dinh	20/07/1998	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
76	DTZ1653801010015	8500220057335	Lò Văn	Đông	19/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
77	DTZ1653801010083	8501205123548	Giàng Thìn	Hai	04/03/1997	Mông	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
78	DTZ1653801010065	8500220061542	Lù Thị	Nhung	15/06/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
79	DTZ1653801010044	8500220062601	Lù Thị	Phượng	15/08/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
80	DTZ1653801010009	8900215043982	Lò Văn	Sơn	12/10/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
81	DTZ1653801010080	8500220062568	Mào Thanh	Sơn	17/12/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
82	DTZ1653801010030	8500220062580	Đặng Thị Kiều	Trình	13/06/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
83	DTZ1653801010081	8308205095141	Triệu Thanh	Tuyền	07/09/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
84	DTZ1653801010165	3526205017996	Bàn Kiều Phương	Chinh	14/12/1997	Dao	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
85	DTZ1653801010095	8500220052360	Hồ Thị	Chung	08/09/1997	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
86	DTZ1653801010093	8500220057920	Mùa Thị	Cu	01/01/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
87	DTZ1653801010137	8500220059189	Giàng A	Của	28/02/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
88	DTZ1653801010114	8500220058872	Hoàng Khánh	Linh	06/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
89	DTZ1653801010179	8500220058590	Đàm Thị	Minh	16/05/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
90	DTZ1653801010161	8500220058344	Nông Thị Hồng	Ngọc	31/07/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
91	DTZ1653801010176	8500220058560	Giàng Mí	Sinh	01/02/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
92	DTZ1653801010147	8500220058170	Lâm Hoàng	Thái	02/11/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
93	DTZ1653801010136	8500220059172	Nông Thị	Thư	06/03/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
94	DTZ1653801010177	8500220058577	Hoàng Văn	Thương	10/06/1995	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
95	DTZ1653801010160	8500220058338	Nguyễn Thị	Thủy	04/03/1998	Mường	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
96	DTZ1653801010140	8500220059200	Giàng A	Trung	01/10/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
97	DTZ1653801010162	8500220058367	Hoàng Thị	Uyên	10/01/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
98	DTZ1653801010148	8500220058192	Trần Thị Thúy	Vĩnh	25/07/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
99	DTZ1653801010221	8500220059557	Vi Thị Thu	Ba	02/09/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
100	DTZ1653801010233	8500220059665	Giàng Thị	Bằng	25/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
101	DTZ1653801010229	8500220059613	Sùng Thị	Chu	10/03/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
102	DTZ1653801010236	8500220059750	Sùng A	Chù	08/12/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
103	DTZ1653801010250	8306205071705	Nguyễn Văn	Đài	11/03/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
104	DTZ1653801010201	3003205065070	Bùi Trung	Đức	02/01/1997	Mường	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
105	DTZ1653801010243	8500220059846	Hoàng Văn	Mạnh	20/11/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
106	DTZ1653801010261	8500220061746	Nông Thúy	Na	24/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
107	DTZ1653801010234	8500220059671	Lù Seo	Sấn	19/06/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
108	DTZ1653801010186	8500220058662	Lãnh Văn	Sang	16/05/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
109	DTZ1653801010219	8500220059534	Ma Hương	Thùy	21/08/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
110	DTZ1653801010217	8500220059012	Vàng Mí	Và	10/12/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
111	DTZ1653801010348	8500220077303	Sùng A	Cá	15/03/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
112	DTZ1653801010360	8107205135260	Quan Kiên	Cường	22/12/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
113	DTZ1653801010284	8500220060585	Mùa Thị	Dí	07/04/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
114	DTZ1653801010299	8500220062052	Đàm Thị	Điệp	27/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
115	DTZ1653801010280	8500220062017	Hạng Thị	Dinh	20/12/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
116	DTZ1653801010330	8500220062160	Phan Thị Mai	Hương	16/04/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
117	DTZ1653801010303	8500220060714	Hoàng Thị	Hương	07/12/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
118	DTZ1653801010278	8500220060533	Châu Thị	Nguyệt	04/04/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
119	DTZ1653801010340	8500220063236	Nông Thị Bích	Phương	18/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
120	DTZ1653801010354	8305205038454	Phan Thu	Thảo	23/01/1996	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
121	DTZ1653801010324	8500220062148	Sùng A	Và	20/11/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
122	DTZ1653801010296	8500220060658	Phan Văn	Vĩnh	28/10/1998	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
123	DTZ1653801010417	8500220061089	Vừ A	Chá	06/01/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
124	DTZ1653801010443	8500220061470	Hàng A	Da	22/06/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
125	DTZ1653801010432	8500220061310	Phan Quốc	Đô	15/02/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
126	DTZ1653801010422	8500220061151	Cầm Bá	Đức	24/12/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
127	DTZ1653801010376	8500220060851	Lò Văn	Đức	27/07/1998	Lào	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
128	DTZ1653801010411	8500220060999	Vi Thị	Hằng	11/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
129	DTZ1653801010379	8500220060880	Hoàng Thu	Hoài	25/12/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
130	DTZ1653801010394	8500220061282	Hoàng Văn	Hung	04/10/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
131	DTZ1653801010418	8500220061095	Triệu La	Lắm	29/08/1995	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
132	DTZ1653801010361	8500220060737	Hòa Đình	Lưu	23/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
133	DTZ1653801010449	8500220061910	Vi Đức	Mạnh	14/05/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
134	DTZ1653801010398	8500220061355	Bế Thị	Nha	13/10/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
135	DTZ1653801010420	8204205023308	Lục Thị Tùng	Oanh	21/03/1997	Giáy	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
136	DTZ1653801010446	8500220061507	Giàng Thị	Pơ	01/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
137	DTZ1653801010377	8500220060868	Lò Văn	Quân	05/06/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
138	DTZ1653801010385	8500220061072	Phê A	Sang	16/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
139	DTZ1653801010375	8500220061411	Lò Thị	Thỏa	17/05/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
140	DTZ1653801010380	8500220060901	Thào A	Trừ	19/05/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
141	DTZ1653801010439	8500220077276	Ma Toàn	Trung	17/09/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
142	DTZ1653801010367	8500220061428	Nông Thị Thanh	Tú	26/01/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
143	DTZ1653801010390	8500220061218	Nông Văn	Vĩnh	26/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
144	DTZ1653801010462	8500220077621	Váng Seo	Bình	17/01/1995	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
145	DTZ1653801010506	8500220077831	Khang Thị	Bla	04/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
146	DTZ1653801010453	8500220077680	Lò Văn	Cường	19/05/1997	Giáy	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
147	DTZ1653801010466	8500220077168	Nông Thị Thùy	Dương	03/09/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
148	DTZ1653801010498	8500220077781	Giàng A	Giàng	27/11/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
149	DTZ1653801010458	8500220077174	Chu Thị	Hường	23/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
150	DTZ1653801010460	8500220077752	Vi Nhật	Lệ	14/07/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
151	DTZ1653801010509	8500220077883	Giàng Thị	Mây	20/03/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
152	DTZ1653801010487	8500220077819	Giàng A	Nhĩa	02/09/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
153	DTZ1653801010467	8500220077860	Trương Thị	Như	16/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
154	DTZ1653801010471	8500220077072	Nguyễn Thị	Quê	06/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
155	DTZ1653801010500	8500220077139	Đình Văn	Thị	12/06/1998	Mường	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
156	DTZ1653801010511	8500220077877	Giàng A	Trầu	02/03/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
157	DTZ1653801010502	8500220077854	Mùa A	Vàng	17/09/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
158	DTZ1752380101032	8500220122342	Mông Ngọc	Bích	03/05/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
159	DTZ1752380101034	8500220122496	Nông Bích	Hào	19/07/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
160	DTZ1752380101025	8500220122444	Giàng A	Hiêu	01/12/1998	Hà nhĩ	Luật A - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
161	DTZ1752380101083	8500220122552	Vàng A	Khái	03/03/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
162	DTZ1752380101060	8500220122858	Hoàng Thị	Thảo	13/11/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
163	DTZ1752380101171	8500220123091	Giàng A	Cang	10/03/1996	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
164	DTZ1752380101177	8500220123112	Nông Thị Kim	Cúc	20/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
165	DTZ1752380101189	8500220123193	Bàn Thị	Hà	27/07/1999	Dao	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
166	DTZ1752380101193	8500220123208	Nguyễn Hải	Hà	15/06/1999	Kinh	Luật B - K15	Sinh viên vượt khó trong học tập	100,000	6	600,000
167	DTZ1752380101133	8500220123272	Phạm Nhật	Hoàng	02/10/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
168	DTZ1752380101149	8500 220123418	Lầu Thị	Lan	09/02/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
169	DTZ1752380101143	8500220123401	Sùng A	Lữ	14/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
170	DTZ1752380101190	8500 220123499	Đinh Liễu	Phượng	05/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
171	DTZ1752380101179	8500220123686	Chu Minh	Tuyên	28/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
172	DTZ1752380101151	8500220123720	Thào Thị	Vân	10/09/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
173	DTZ1752380101199	8500220120280	Lưu Hoàng	Anh	25/04/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
174	DTZ1752380101250	8500220120318	Giàng A	Bốn	29/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
175	DTZ1752380101269	8500220120330	Sùng A	Câu	10/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
176	DTZ1752380101227	8500220120382	Lý A	Chua	19/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
177	DTZ1752380101277	8500220120484	Vừ A	Hờ	25/10/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
178	DTZ1752380101237	8500220120557	Lò Thị	Lâm	23/04/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
179	DTZ1752380101241	8500220120540	Triệu Thị	Lễ	01/02/1999	Tày	Luật C - K15	Mồ côi cha mẹ	100,000	6	600,000
180	DTZ1752380101243	8500220120620	Triệu Quý	Lương	24/04/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
181	DTZ1752380101252		Sông Thị	Le	11/10/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
182	DTZ1752380101223	8500220120642	Nông Thị Hương	Mai	28/05/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
183	DTZ1752380101230	8500220120665	Ngô Thế	Ngữ	31/08/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
184	DTZ1752380101242	8500220120773	Lò Văn	Thao	25/04/1998	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
185	DTZ1752380101229	8500220120780	Châu Thị Mỹ	Thêu	28/08/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
186	DTZ1752380101240	8500220120800	Tần Cao	Thiên	26/12/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
187	DTZ1752380101239	8500220120869	Hồ Thị	Tinh	03/04/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
188	DTZ1752380101222	8500220120925	Bàn Văn	Tùng	30/07/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
189	DTZ1752380101256	8500220120977	Giàng Hùng	Vương	18/08/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
190	DTZ1752380101263	8500220120983	Lò Thị Hải	Yến	01/05/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
191	DTZ1752380101310	8500220131950	Giàng Văn	Cao	01/09/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
192	DTZ1752380101064	8500220119745	Thào A	Chinh	05/11/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
193	DTZ1752380101027	8500220119797	Cháng Văn	Cường	11/04/1997	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
194	DTZ1752380101299	8500220119801	Thào A	Dênh	22/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
195	DTZ1752380101255	8500220131921	Lương Thị	Hoa	04/06/1997	Tày	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
196	DTZ1752380101198	8500220119910	Bàn Phúc	Huy	01/04/1994	Dao	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
197	DTZ1752380101206	8500 220120064	Mùa Thị Xuân	Nhi	28/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
198	DTZ1857380101008	8500220158470	Tòng Khánh	Đức	20/08/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
199	Dtz1857380101016	8500220158537	Phương Thế	Hoàng	06/06/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
200	DTZ1857380101028	8500220158622	Nông Ngọc	Huy	17/03/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
201	DTZ1857380101029	8500220158639	Hà Thị Thu	Huyền	04/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
202	DTZ1857380101030	8500220158645	Lường Thị Thu	Huyền	11/10/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
203	DTZ1857380101034	8500220158680	Quàng Văn	Khánh	24/11/1999	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
204	DTZ1857380101040	8500220158747	Đàm Thị	Ngân	12/03/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
205	DTZ1857380101041	8500220158753	Tô Hồng	Ngát	23/12/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
206	DTZ1857380101205	8500220162620	Hà Văn	Nhật	06/01/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
207	DTZ1857380101043	8500220158776	Giàng A	Pề	08/09/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
208	DTZ1857380101049	8500220158832	Hồ Sùng	Pó	14/02/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
209	DTZ1857380101050	8500220158849	Ly Mí	Pó	21/10/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
210	DTZ1857380101052	8500220158861	Hoàng Ngọc	Quang	02/04/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
211	DTZ1857380101053	8500220158878	Giàng Thề	Quyết	04/09/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
212	DTZ1857380101206	8500220162983	Sùng A	Say	14/08/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
213	DTZ1857380101058	8500220158928	Hảng Thị	Súa	05/09/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
214	DTZ1857380101061	8500220158957	Ly A	Tằng	02/04/1997	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
215	DTZ1857380101062	8500220161236	Triệu Ngọc	Tĩnh	28/05/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
216	DTZ1857380101069	8500220159018	Ma Thị	Viên	28/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
217	DTZ1857380101070	8500220159024	Lường Văn	Vui	18/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
218	DTZ1857380101075	8500220159060	Cháng A	Chia	02/09/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
219	DTZ1857380101076	8500220159076	Lý A	Chớ	30/01/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
220	DTZ1857380101079	8500220159082	Mùa A	Của	01/03/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
221	DTZ1857380101085	8500220159132	Sùng A	Dung	13/08/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
222	DTZ1857380101090	8500220159178	Ly Thanh	Hải	16/09/1997	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
223	DTZ1857380101201	8500220162563	Trương Quang	Hung	27/05/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
224	DTZ1857380101095	8500220159228	Sùng A	Là	20/05/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
225	DTZ1857380101098	8500220159240	Nông Thị	Lệ	10/12/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
226	DTZ1857380101100	8500220109263	Nguyễn Tiêu	Linh	12/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
227	DTZ1857380101101	8500220159270	Nông Thị Thùy	Linh	24/02/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
228	DTZ1857380101102	8500220159286	Sinh Thị	Lừ	19/01/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
229	DTZ1857380101110	8500220159365	Vừ Bà	Mua	28/12/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
230	DTZ1857380101113	8500220159394	Hoàng Hải	Ngọc	11/09/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
231	DTZ1857380101116	8500220159421	Lý Thị	Phượng	25/03/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
232	DTZ1857380101121	8500220159473	Đinh Thị	Thom	03/03/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
233	DTZ1857380101122	8500220155480	Nông Quang	Thông	07/10/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
234	DTZ1857380101126	8500220159517	Lường Văn	Thuận	04/08/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
235	DTZ1857380101128	8500220159530	Sân Việt	Thủy	29/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
236	DTZ1857380101130	8500220159552	Vàng A	Tiếng	28/02/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
237	DTZ1857380101132	8500220159575	Nông Thị	Trang	01/05/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
238	DTZ1857380101133	8500220159581	Hứa Văn	Trung	05/01/1999	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
239	DTZ1857380101135	8500220159602	Giàng Anh	Tuấn	29/09/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
240	DTZ1857380101137	8500220159625	Nông Anh	Tuấn	19/01/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
241	DTZ1857380101138	8500220161265	Quàng Văn	Tuấn	15/01/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
242	DTZ1957380101039		Lò Tuấn	Anh	16/01/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
243	DTZ1957380101049		Nông Minh	Đạt	04/11/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
244	DTZ1957380101018		Ma Thu	Hòa	12/10/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
245	DTZ1957380101026		Triệu Thị Ngọc	Lan	03/12/2001	Nùng	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
246	DTZ1957380101052		Quàng Thị Minh	Nguyệt	26/09/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
247	DTZ1957380101041		Tần Thị	Phê	14/01/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
248	DTZ1957380101015		Giàng A	Tàng	08/07/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
249	DTZ1957380101118		Hoàng Thị	Vân	07/08/2001	Xuông	Luật A - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
250	DTZ1654402170011	8500220059360	Hoàng Đức	Bắc	08/02/1998	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
251	DTZ1654402170006	8500220059399	Giàng Mí	Cầu	28/07/1998	Mông	Địa lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
252	DTZ1654402170010	8500220077927	Tần A	Giao	11/12/1996	Dao	Địa lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
253	DTZ1654402170004	8500220059410	Minh Thị	Khen	19/10/1997	Cờ lao	Địa lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
254	DTZ1654402170005	8500220059403	Hoàng Thị	Nguyên	21/11/1998	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
255	DTZ1654403010010	8500220057539	Thào A	Hồng	15/08/1998	Hơ mông	KH Môi trường - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
256	DTZ1658501010030	8500220078522	Đàm Khánh	Linh	27/07/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
257	DTZ1658501010011	8500220062913	Lý Thị	Trang	26/06/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
258	DTZ1658501010002	8500220062630	Trần Văn	Tuấn	12/01/1997	Giáy	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
259	DTZ1752850101004	8500220131740	Sinh Thị	Cay	12/09/1999	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
260	DTZ1752850101006	8500220123998	Nông Thị Thu	Hằng	17/05/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
261	DTZ1752850101002	8500220124013	Quách Thị	Lệ	16/09/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
262	DTZ1752850101035	8500220131770	Sùng A	Tùng	14/07/1999	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
263	DTZ1957850101004		Đồng Tiến	Tuyển	10/07/2000	Tày	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
264	DTZ1957420201017		Dương Thị Mến	Thương	10/09/2001	Hơ mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
265	DTZ1653201010038	8500220077513	Sin Thị	Chang	13/07/1998	Thái	Báo chí - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
266	DTZ1653201010029		Ma Thanh	Đức	09/12/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
267	DTZ1653201010015	8500220057647	Trần Thị	Hằng	12/05/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TÀI KHOẢN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DT	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	SỐ THÁNG	TỔNG TIỀN
268	DTZ1653201010011	8500220057840	Hà Thanh	Thảo	26/01/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
269	DTZ1857320101001	8500220157239	Hồ Hồng	Cường	05/11/2000	Si la	Báo chí - K16	Mồ côi cha mẹ	100,000	6	600,000
270	DTZ1652203300001	8500220059455	Nông Thị Bích	Vân	01/09/1997	Tày	Văn học - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
271	DTZ1857810101026	8500220157954	Vi Thị	Lê	17/02/2000	Nùng	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
272	DTZ1857810101039	8500220158067	Vàng Mí	Nô	12/02/2000	Mông	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
273	DTZ1857810101068	8500220163616	Hoàng Thị	Đào	01/09/1999	Giáy	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
274	DTZ1857810101025		Châu Văn	Khải	17/08/2000	Tày	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
275	DTZ1857810101061	8500200158254	Sùng Thị	Kía	13/05/2000	Hơ mông	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
276	DTZ1857810101078	8500220163639	Trần Bảo	Luân	23/11/2000	Hoa	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
277	DTZ1857810101010	8500220157823	Giàng Thị	Dính	20/06/2000	Mông	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
278	DTZ1857810101049	8500220158169	Châu Thị	Thùy	10/11/2000	Tày	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
279	DTZ1857810101044	107867968178	Vàng Mí	Sá	07/12/2000	Hơ mông	Du lịch - K16	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
280	DTZ1957810101045		Hoàng Thị	Duyên	18/09/2001	Tày	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
281	DTZ1957810101030		Vừ Mí	Già	01/02/2000	Hơ mông	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
282	DTZ1957810101026		Nông Thị	Hải	14/09/2001	Tày	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
283	DTZ1957810101012		Bàn Thị	Hiền	05/08/2001	Dao	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
284	DTZ1957810101008		Nguyễn Văn	Kiên	07/03/2001	Mường	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
285	DTZ1957810101007		Lý Mùi	Mây	05/03/2001	Dao	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
286	DTZ1957810101025		Nguyễn Bé	Ngọc	14/12/2001	Thái	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
287	DTZ1957810101057		Hoàng Văn	Thuận	22/07/2001	Nùng	Du lịch - K17	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
288	DTZ1655281020041	8500220060330	Nông Thị	Chiêm	23/09/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
289	DTZ1655281020029	8500220060194	Hoàng Mùi	Chiều	16/10/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
290	DTZ1655281020024	8500220060165	Ninh Thị	Dường	01/02/1998	Sán Chí	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
291	DTZ1655281020006	8500220059931	Nông Thị	Hà	14/03/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
292	DTZ1655281020022	8500220060142	Ninh Thị	Hồ	28/10/1998	Sán Chí	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
293	DTZ1655281020039	8500220060317	Lý Thị	Mến	11/07/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
294	DTZ1655281020015	8500220060057	Nông Duy	Thông	12/04/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
295	DTZ1655281020040		Đặng Thị	Xoan	10/07/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
296	DTZ1752528102048	8500220121832	Lèo Thị Thanh	Huyền	26/05/1997	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
297	DTZ1752528102039	8500220121878	Trắng Văn	Lợi	01/08/1999	Sán Chí	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
298	DTZ1752528102049	8500220121928	Nông Thị Diệp	Ly	18/08/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
299	DTZ1752528102066	8500220131836	Má Thị	Máy	07/07/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
300	DTZ1752528102044	8500220122076	Hầu Thị	So	03/12/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000
301	DTZ1752528102050	8500220122099	Hà Thị	Thảo	20/12/1998	Thái	QT Du lịch - K15	Dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	6	840,000

